

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Tên tiếng Anh: **Accounting**
Mã ngành: **8340301**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3199/QĐ/ĐHQN ngày 03 tháng 12 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Theo định hướng ứng dụng

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Tên tiếng Anh: Accounting

Mã ngành: 8340301

Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo các nhà quản lý có năng lực lãnh đạo, có kỹ năng và kiến thức ở trình độ cao để quản lý, thiết kế và kiểm soát các hoạt động về kế toán, phân tích và hoạch định các nguồn lực tài chính ở các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính (gọi chung là đơn vị); có năng lực quản trị, điều hành các tổ chức, đơn vị có quy mô lớn, đa quốc gia về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính; có năng lực tự học, tự nghiên cứu và phát triển những tri thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán từ thực tiễn công tác.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ ngành Kế toán có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có hiểu biết tổng hợp về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PO2: Có kiến thức ngành, chuyên ngành ở trình độ cao để lãnh đạo, điều hành tại các tổ chức, đơn vị về công tác kế toán, kiểm toán, tài chính và để nghiên cứu, tự học cho phát triển nghề nghiệp.

- Về kỹ năng

+ PO3: Có kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm và giao tiếp.

+ PO4: Có kỹ năng viết báo cáo, phân tích, tổng hợp và khai thác dữ liệu kế toán để phục vụ quản lý và điều hành trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO5: Có tư duy phản biện, sáng tạo trong hoạt động quản lý, lãnh đạo chuyên môn về kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO6: Sử dụng tốt ngoại ngữ (tiếng Anh) và công nghệ thông tin.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có năng lực tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO8: Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính.

1.3. Chuẩn đầu ra đối với ngành học (ký hiệu PLOs) ¹

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

1.3.1. Về kiến thức

+ *Kiến thức cơ sở*

1) PLO1: Tổng hợp được kiến thức về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ *Kiến thức chuyên sâu của ngành*

2) PLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề thực tiễn về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính và kinh doanh.

3) PLO3: Đề xuất, kiến nghị được các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán, kiểm toán, tài chính.

1.3.2. Về kỹ năng

+ *Kỹ năng chung*

4) PLO4: Thể hiện năng lực điều hành, quản lý nhóm, quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học.

5) PLO5: Thể hiện năng lực giao tiếp và thuyết trình, năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp bằng văn bản, đạt tối thiểu bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

+ *Kỹ năng chuyên môn*

6) PLO6: Thể hiện năng lực quản trị, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, tài chính.

7) PLO7: Thể hiện năng lực phán đoán và đưa ra các quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

¹ **Đáp ứng bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam:** Bậc 7: Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp. Bậc 7 yêu cầu khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

8) PLO8: Thể hiện năng lực tổng hợp, sáng tạo trong công việc chuyên môn về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và các lĩnh vực khác có liên quan.

1.3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Đủ khả năng để học tập suốt đời, tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.

10) PLO10: Thể hiện tính tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm trong công tác chuyên môn.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x	x								
PO2		x	x							
PO3				x	x	x				
PO4				x	x	x	x	x		
PO5						x	x	x		
PO6					x					
PO7									x	
PO8										x

1.4. Nội dung đào tạo

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TL			
I. Phần kiến thức chung					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành					56					
II.1. Phần bắt buộc					29					
2	KTVM	503	Kinh tế học vi mô nâng cao	1	2	1,6	0,4		K.KT & KT	
3	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	1	2	1,6	0,4		K.KT & KT	
4	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	1	3	2	1		K.KT & KT	
5	KTTC	513	Kế toán tài chính nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT	

6	KTQT	514	Kế toán quản trị nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
7	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT
8	KTHT	517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	3	2	1	KTTC 513 KTQT 514	K.KT & KT
9	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
10	KTTM	530	Thực tập chuyên môn 1	2	4	0	4	KTTC 513	K.KT & KT
11	KTTM	531	Thực tập chuyên môn 2	3	3	0	3	KTPD 516 KTKS 519	K.KT & KT
II.2. Phần tự chọn				18					
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
12	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	1	3	2	1		K.TCNH & QTKD
13	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	1	3	2	1		K.TCNH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
14	KTDL	528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	1	3	2	1		K.KT & KT
15	KTLB	529	Phân tích dữ liệu và dự báo	1	3	2	1		K.KT & KT
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
16	KTKC	521	Kế toán công	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
17	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	2	3	2	1	KTTC 513 KTQT 514	K.KT & KT
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	3	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
19	KTTG	520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT

				tế - IFRS)								
Tự chọn 5: Chọn 2 trong 5 học phần					6/15							
20	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD			
21	KTKT	515	Kiểm toán nâng cao	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT			
22	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT			
23	KTCL	524	Quản trị chiến lược	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD			
24	KTQC	526	Quản trị tài chính	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD			
II.3. Đề án tốt nghiệp				9								
25	KTDA	532	Đề án tốt nghiệp	4	9	0	9		K.KT & KT			
Tổng cộng				60								

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ (%)	PLOs										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Phần kiến thức chung	4	6,67											
	Triết học	4	6,67	M			L					L	L	
II	Phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành	56	93,33											
II.1	Các học phần bắt buộc	29	48,33	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
II.2	Các học phần tự chọn	18	30,00	M	M	M	M	M	M	M	M	L	M	H
II.3	Đề án tốt nghiệp	9	15,00	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.5. Kế hoạch giảng dạy từng kỳ (dự kiến)

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung										
1	XHTH	501	Triết học	4	4				K.LLCT-L-QLNN	K.LLCT-L-QLNN

II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
II.1. Bắt buộc										
2	KTVM	503	Kinh tế học vi mô nâng cao	2	2				TS. Hoàng Thị Hoài Hương TS. Lê Kim Chung	K.KT & KT
3	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	2	2				TS. Đào Quyết Thắng PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền	K.KT & KT
4	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	3	3				PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến	K.KT & KT
5	KTTC	513	Kế toán tài chính nâng cao	3		3			PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến TS. Đào Nhật Minh	K.KT & KT
6	KTQT	514	Kế toán quản trị nâng cao	3		3			TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh	K.KT & KT
7	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			3		TS. Đỗ Huyền Trang PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến	K.KT & KT
8	KTHT	517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3			3		TS. Đào Nhật Minh TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	K.KT & KT
9	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ nâng cao	3			3		TS. Lê Thị Thanh Mỹ TS. Lê Trần Hạnh Phương	K.KT & KT
10	KTTM	530	Thực tập chuyên môn 1	4			4			K.KT & KT
11	KTTM	531	Thực tập chuyên môn 2	3			3			K.KT & KT
III.2. Tự chọn										
Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần				3	3					
12	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	3					K.TCNH & QTKD	K.TCNH &

										QTKD
13	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	3						K.TCNH & QTKD K.TCNH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3	3					
14	KTDL	528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	3					TS. Trương Thị Thanh Phượng TS. Hoàng Mạnh Hùng	K.KT & KT
15	KTLB	529	Phân tích dữ liệu và dự báo	3					TS. Hoàng Mạnh Hùng TS. Trương Thị Thanh Phượng	K.KT & KT
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3		3				
16	KTKC	521	Kế toán công	3					TS. Đỗ Huyền Trang PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh	K.KT & KT
17	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	3					TS. Đào Nhật Minh TS. Nguyễn Thị Kim Tuyền	K.KT & KT
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3			3			
18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	3					PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiên	K.KT & KT
19	KTTG	520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS)	3					TS. Nguyễn Thị Kim Tuyền TS. Lê Trần Hạnh Phương	K.KT & KT
<i>Tự chọn 5: Chọn 2 trong 5 học phần</i>				6			6			
20	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	3						K.TCNH & QTKD K.TCNH & QTKD
21	KTKT	515	Kiểm toán nâng cao	3					TS. Lê Trần Hạnh Phương TS. Lê Thị Thanh Mỹ	K.KT & KT

22	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3						TS. Lê Trần Hạnh Phương TS. Lê Thị Thanh Mỹ	K.KT & KT
23	KTCL	524	Quản trị chiến lược	3						K.TCNH & QTKD	K.TCN H & QTKD
24	KTQC	526	Quản trị tài chính	3						K.TCNH & QTKD	K.TCN H & QTKD
III. Đề án tốt nghiệp											
25	KTDA	532	Đề án tốt nghiệp	9					9	GV ngành Kế toán đủ điều kiện	K.KT & KT
Tổng cộng				60	17	16	18	9			

1.6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	XHTH 501	Triết học	H			M						M	
2	KTVM 503	Kinh tế học vi mô nâng cao	H			M	L					M	M
3	KTVX 504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	H			M	L					M	M
4	KTLT 512	Lý thuyết kế toán	M	L		M	L	L				M	M
5	KTTC 513	Kế toán tài chính nâng cao		M	M			M	H			M	M
6	KTQT 514	Kế toán quản trị nâng cao		M	H	H	M	H	H	H	H	H	H
7	KTPD 516	Phân tích tài chính doanh nghiệp		M	H	H	M	H	H	H	H	H	H
8	KTHT 517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao		M	H	H	M	H	H	M	M	M	H
9	KTKS 519	Kiểm soát nội bộ nâng cao		M	H	H		M	M			H	H
10	KTTM 530	Thực tập chuyên môn 1		M	H	H		H	H			H	H
11	KTTM 531	Thực tập chuyên môn 2		M	H	H		H	H			H	H
12	KTQH 508	Quản trị học hiện đại	M		L	M	M	L	L			M	M
13	KTKD 527	Quản trị kinh doanh quốc tế	M		M	M	M		M			L	M
14	KTDL 528	Nghiên cứu định lượng	M		M	M			L			L	L

		trong kế toán – kiểm toán										
15	KTLB 529	Phân tích dữ liệu và dự báo	M		M	L	M				L	L
16	KTKC 521	Kế toán công		M	M	M	M	M	M	L	M	H
17	KTTH 523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế		M	M	M	M	M	M	L	M	H
18	KTCM 518	Chuẩn mực kế toán		M	M			M	H		M	M
19	KTTG 520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS)		M	M	M	M		M	L	M	H
20	KTTT 507	Tài chính – Tiền tệ	M		H				H		H	
21	KTKT 515	Kiểm toán nâng cao		M	L	M	M		L		L	M
22	KTQL 522	Kiểm soát quản lý		M	L	M	M		L		L	M
23	KTCL 524	Quản trị chiến lược		M	L	M	M	L	L		M	M
24	KTQC 526	Quản trị tài chính		M	M			M	M	M	M	M
25	KTDA 532	Đề án tốt nghiệp		H	H	H	H		H		H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.7. Phương pháp đánh giá

* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng</p>	30%	40%	50%

		<p>day.</p> <p>* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên.</p>			
2	Cuối kỳ	<p>Thi kết thúc học phần</p> <p>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</p> <p>* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài báo cáo/thu hoạch theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p>	70%	60%	50%

b. Học phần thực tập chuyên môn

40% điểm quá trình; 60% điểm báo cáo. Tiêu chí đánh giá: được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

c. Học phần đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

* **Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Đánh giá tiến trình										
1. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x			x	x	
2. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x		x
3. Đánh giá bài kiểm tra	x	x	x		x		x	x	x	x
4. Đánh giá bài tập lớn, tiểu luận	x	x	x			x	x		x	
II. Đánh giá tổng kết										
5. Kiểm tra viết	x	x	x		x		x			x

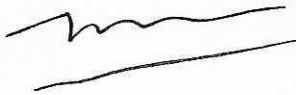
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x		x		x		x	x
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/đề án (nội dung và vấn đáp)	x	x	x	x		x	x	x	x	x

2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

[Phụ lục]

Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



PGS.TS. Hồ Xuân Quang

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng